TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

Số: 3939 /DNA-CV

V/v: Mời báo giá sửa chữa định kỳ máy xúc bánh xích Hyundai R140LC-9S số 02 Phân xưởng Mỏ tuyển Công ty Nhôm Đăk Nông- TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 11 năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa định kỳ máy xúc bánh xích Hyundai R140LC-9S số 02 Phân xưởng Mỏ tuyển Công ty Nhôm Đăk Nông- TKV. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (theo phụ lục đính kèm)

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 27/11/2026.

Địa chỉ 1: Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV, thôn 3, xã Nhân Cơ, tỉnh Lâm Đồng đối với bản giấy.

Địa chỉ 2: Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo sđt: 0986.420.905

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CV(TVS).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Vũ Hoàng

PHỤ LỤC 1

THÔNG SỐ THIẾT BỊ, VẬT TƯ VÀ NỘI DUNG BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA

(Kèm theo Công văn số 3939/DNA- CV ngày 16 tháng 11 năm 2026)

A. Thông số thiết bị

STT	Tên hiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Máy xúc bánh xích	- Loại: Robex R140LC-9S - Số khung: HHKHZ402CD0000392 - Công suất định mức (kW): 78 - Dung tích gầu (m^3): 0,58m3 - Tốc độ di chuyển: 3,3-5,6 km/h - Khối lượng (kg): 13.980 - Hãng sản xuất: Hyundai - Xuất xứ: Hàn Quốc	Cái	1	

B. Vật tư

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	**VẬT TƯ NHỎ LẺ THAY THẾ TRONG QUÁ TRÌNH THÁO LẮP**				
2	Gioăng bộ sấy khí nạp	3931604	Cái	1	
3	Gioăng bộ sấy khí nạp	3938153	Cái	1	
4	Gioăng	3931351	Cái	1	
5	Phớt	3935959	Cái	1	
6	Gioăng	3913944	Cái	1	
7	Gioăng	3915772	Cái	1	
8	Gioăng	3094818	Cái	1	
9	Gioăng	3926047	Cái	1	
10	Bộ kit bên phải	3802820	Bộ	1	
11	Bộ kit bên trái	3926126	Bộ	1	
12	Gioăng	3283767	Cái	1	
13	Ống cao su	3930565	Cái	1	
14	Cu li ê	3945819	Cái	1	
15	Phớt	3925466	Cái	1	
16	Phớt	3927305	Cái	1	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
17	Dây cu roa máy phát	3929330	Cái	1	
18	Phớt	3903475	Cái	1	
19	Gioăng	3906694	Cái	1	
20	Gioăng	3906695	Cái	1	
21	Gioăng	3863864	Cái	1	
22	Phớt	3933262	Cái	1	
23	Gioăng	3912473	Cái	1	
24	Gioăng	3863488	Cái	1	
25	Gioăng ống dầu	3863755	Cái	12	
26	Gioăng ống dầu	3918188	Cái	2	
27	Rắc co	3905307	Cái	2	
28	Culie ống xả	3903652	Cái	1	
29	Gioăng	3942914	Cái	1	
30	Gioăng	3942915	Cái	1	
31	Gioăng	3924148	Cái	1	
32	Gioăng	3093844	Cái	2	
33	Gioăng	3909356	Cái	4	
34	Gioăng	3903380	Cái	4	
35	Gioăng mặt máy	3283333	Cái	1	
36	Phớt ghíp su páp	3957912	Cái	8	
37	Nút bịt	3812092	Cái	3	
38	Nút bịt	3922073	Cái	3	
39	Gioăng nắp mặt máy	3930906	Cái	4	
40	Gioăng tăng áp	3864271	Cái	4	
41	Gioăng	3939357	Cái	1	
42	Gioăng	3922794	Cái	2	
43	Gioăng	3037236	Cái	1	
44	Gioăng	3863787	Cái	1	
45	Gioăng	3932484	Cái	1	
46	Gioăng	3906697	Cái	1	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
47	Gioăng	3963983	Cái	2	
48	Gioăng ống xả	3864337	Cái	4	
49	Gioăng	3928759	Cái	1	
50	Ống cao su định hình	11EG-20023	Cái	1	
51	Cô li e	11LB-40210	Cái	1	
52	Cô li e	11LB-40220	Cái	1	
53	Cô li ê	11Q4-44320	Cái	2	
54	Cô li ê	S572-710006	Cái	1	
55	Cô li ê	S572-600006	Cái	6	
56	Cô li ê	11Q4-44300	Cái	1	
57	Gioăng van khóa nhiên liệu	S631-018004	Cái	5	
58	Cô li ê	S520-015000	Cái	3	
59	Gioăng cảm biến mức nhiên liệu	E128-1053	Cái	1	
60	Gioăng	S632-170001	Cái	2	
61	Gioăng máy khởi động	3354514	Cái	1	
62	Gioăng cảm biến	21EA-50260	Cái	1	
63	Gioăng	S632-165001	Cái	1	
64	Gioăng	S632-150001	Cái	1	
65	Phin lọc hơi thừa	31EE-02110	Cái	1	
66	Cô liê	S572-930006	Cái	2	
67	Gioăng	S631-044004	Cái	2	
68	Gioăng	Y172-003004	Cái	2	
69	Gioăng	Y171-019004	Cái	9	
70	Gioăng	Y171-027004	Cái	4	
71	Gioăng	S631-071001	Cái	1	
72	Gioăng	S621-014001	Cái	19	
73	Gioăng	S621-018001	Cái	46	
74	Gioăng	S631-024004	Cái	11	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
75	Gioăng	S631-029004	Cái	3	
76	Gioăng	S621-012001	Cái	1	
77	Gioăng	Y171-019001	Cái	6	
78	Gioăng	Y171-015004	Cái	2	
79	Gioăng	S621-011001	Cái	125	
80	Gioăng	S631-011004	Cái	153	
81	Gioăng	S631-011001	Cái	8	
82	Gioăng	S631-014004	Cái	13	
83	Gioăng	S631-021004	Cái	4	
84	Ống dầu	P910-128020	Cái	1	
85	Gioăng	XJBN-00286	Cái	6	
86	Gioăng	XJBN-00285	Cái	3	
87	Gioăng	XJBN-00231	Cái	6	
88	Gioăng	XJBN-00044	Cái	45	
89	Gioăng	XJBN-00230	Cái	11	
90	Gioăng	XJBN-00820	Cái	4	
91	Gioăng	XJBN-00097	Cái	12	
92	Gioăng	XJBN-00282	Cái	2	
93	Gioăng	XJBN-00281	Cái	2	
94	Gioăng	XJBN-00280	Cái	2	
95	Gioăng	XJBN-01026	Cái	2	
96	Gioăng	XJBN-01369	Cái	2	
97	Gioăng	XJBN-00441	Cái	4	
98	Gioăng	XJBN-00362	Cái	17	
99	Gioăng	XJBN-00279	Cái	4	
100	Gioăng	XJBN-00094	Cái	2	
101	Gioăng	XJBN-00400	Cái	2	
102	Gioăng	XJBN-01357	Cái	8	
103	Phớt	XJBN-01029	Cái	1	
104	Lưới lọc	XJBN-00330	Cái	1	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
105	Gioăng	XJBN-00387	Cái	1	
106	Gioăng	XJBN-00283	Cái	1	
107	Gioăng	XKBF-01475	Cái	2	
108	Gioăng	XKBF-00733	Cái	5	
109	Gioăng	XKBF-01332	Cái	11	
110	Gioăng	XKBF-01333	Cái	4	
111	Gioăng	XKBF-01335	Cái	3	
112	Gioăng	XKBF-01337	Cái	14	
113	Gioăng	XKBF-01282	Cái	1	
114	Gioăng	XKBF-01283	Cái	2	
115	Phớt	XKAQ-00087	Cái	1	
116	Bộ gioăng phớt	XKAY-01117	Bộ	1	
117	Gioăng	XKAY-00667	Bộ	1	
118	Bộ kit gioăng	XKAY-00518	Bộ	2	
119	Phớt	XKAY-01836	Cái	2	
120	Gioăng	XKAY-01811	Cái	2	
121	Gioăng	XKAY-00155	Cái	5	
122	Gioăng	XKAY-00100	Cái	1	
123	Gioăng	XKAY-00945	Cái	2	
124	Gioăng	XKAY-01309	Cái	2	
125	Bộ gioăng phớt	31N6-40950	Bộ	1	
126	Bộ gioăng	31Y1-31320	Bộ	2	
127	Phớt chắn mỡ	Y020-070000	Cái	16	
128	Bộ gioăng	31Y1-31150	Bộ	1	
129	Căn nhựa	Y191-086000	Cái	1	
130	Bộ gioăng	31Y1-31490	Bộ	1	
131	Căn	Y191-076000	Cái	1	
132	Gioăng	82E6-2208	Cái	8	
133	Gioăng	81E6-22100	Cái	56	
134	Gioăng	82E6-2407	Cái	2	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
135	Gioăng	82E6-2312	Cái	2	
136	Gioăng	81N4-13170	Cái	4	
137	Căn nhựa	81E1-3101	Cái	2	
138	Căn nhựa	81E1-3201	Cái	2	
139	Phớt	81E1-3301	Cái	2	
140	Van bơm mỡ	81N6-14240	Cái	2	
141	Gioăng kính	71Q6-03010	Cái	1	
142	Gioăng kính trước	71Q6-03480	Cái	1	
143	Gioăng kính trước	S771-015000	Cái	1	
144	Gioăng cánh cửa	S776-050300	Cái	1	
145	Gioăng	82E3-10040	Cái	2	
146	Căn ắc	S993-070140	Cái	16	
147	Căn ắc	61Q8-00130	Cái	5	
148	Căn ắc	61Q8-00140	Cái	5	
149	Căn ắc	S991-070140	Cái	8	
150	Phanh chặn ắc	61Q4-19010	Cái	2	
151	Căn ắc	S993-070135	Cái	2	
152	Phớt chắn mỡ	Y020-070011	Cái	6	
153	Vú bơm mỡ	S651-810002	Cái	2	
154	Phớt chắn mỡ	Y020-065111	Cái	6	
155	Gioăng	E161-3052	Cái	4	
156	Căn	S993-070130	Cái	4	
157	Căn	S991-070130	Cái	3	
158	Căn	S993-065125	Cái	2	
159	Căn	S992-070140	Cái	8	
160	Căn	S994-070140	Cái	4	
161	Căn	S991-070135	Cái	2	
162	Căn	S390-065110A	Cái	4	
163	Căn	S991-065125	Cái	2	
164	Căn	S391-070130	Cái	4	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
165	Căn	S392-070130	Cái	4	
166	**PHẦN LỌC CÁC LOẠI**				
167	Lọc dầu động cơ	11E1-70010 SE	Cái	2	
168	Lọc tách nước	11LB-20310	Cái	1	
169	Lọc nhiên liệu tinh	11E1-70210-AS	Cái	1	
170	Lọc điều khiển thủy lực	31Q6-20340-P	Cái	1	
171	Lọc xả bơm thủy lực	31RF-10350	Cái	1	
172	Lọc hút bơm thủy lực	31N8-01360-AS	Cái	1	
173	Lọc gió điều hòa	11Q6-90510-P	Cái	1	
174	Lọc gió ngoài + trong	11N6-27040ED + 11N6-27030-AS	Bộ	1	
175	**DẦU MỠ CÁC LOẠI**				
176	Dầu	SAE 15W/40 CI4	Lít	24,5	
177	Dầu	Total Transtec5 80W90	Lít	37,5	
178	Dầu thuỷ lực	Total Azolla ZS 46 (ISO VG 68)	Lít	280	
179	**PHẦN PHỤ TÙNG CÁC LOẠI**				
180	Xy lanh	3904166	Cái	4	
181	Bạc (bộ)	3933224	Bộ	1	
182	Bạc trục cơ	3802010	Bộ	1	
183	Bạc trục cam	3940059	Bộ	1	
184	Đệm chân máy	11N4-00060-DA	Cái	2	
185	Bu lông chân máy	S017-20135D	Cái	2	
186	Bu lông chân máy	S017-16130D	Cái	2	
187	Đai ốc	S441-160006	Cái	2	
188	Đai ốc	3093946	Cái	3	
189	Khớp nối	3863152	Cái	1	
190	Thanh nối	3863999	Cái	1	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
191	Đai ốc	3863154	Cái	1	
192	Pitong + xéc măng	3957797	Bộ	4	
193	Mặt máy	3966447	Cái	1	
194	Nút bịt	3008468	Cái	5	
195	Nút bịt	3906619	Cái	2	
196	Bu lông mặt máy	3920780	Cái	10	
197	Bu lông mặt máy	3920779	Cái	4	
198	Ốc tay biên	4891179	Cái	8	
199	Trục cơ	3929036	Cái	1	
200	Bánh răng	3929027	Cái	1	
201	Chốt bánh răng	3904483	Cái	1	
202	Lò xo	3932453	Cái	8	
203	Dây điện chính	21Q4-17200	Cái	1	
204	Dây điện	21Q8-11110	Cái	1	
205	Dây điện	21Q8-11130	Cái	1	
206	Dây điện	21EG-10101	Cái	1	
207	Dây điện	21N4-01502	Cái	1	
208	Dây điện	21Q8-11300	Cái	1	
209	Dây điện cần boom	21Q4-60900	Cái	1	
210	Dây điện động cơ	21Q4-17300	Cái	1	
211	Dây đề	21EA-00191	Cái	1	
212	Dây máy phát	21N8-43000	Cái	1	
213	Dây điện	21WD-44420	Cái	1	
214	Dây điện	21WD-44410	Cái	1	
215	Dây điện	21N4-01580	Cái	1	
216	Dây điện	21N4-01571	Cái	1	
217	Dây điện	21N6-21240	Cái	1	
218	Bình điện	12V; 90Ah; bình khô	Cái	2	
219	Bu lông	S037-103026	Cái	16	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
220	Cảm biến tốc độ	21Q6-15800	Cái	1	
221	Mặt bích	3964422	Cái	1	
222	Séc măng	3938177	Bộ	1	
223	Nút hãm	3957913	Cái	8	
224	Bơm cao áp	4063968	Cái	1	
225	Vòi phun (kim phun)	4025334	Cái	4	
226	Bạc biên dưới, trên	4893693	Cái	4	
227	Bạc	4891178	Cái	4	
228	Trục cam	3929885	Cái	1	
229	Su páp hút	3920867	Cái	4	
230	Su páp xả	3920868	Cái	4	
231	Móng hãm su páp	3900250	Cái	16	
232	Bơm nước	3285410	Cái	1	
233	Cao su chân máy trước	11N6-08250	Cái	4	
234	Cao su chân máy sau	11N6-10450	Cái	4	
235	Khớp bầu giảm thanh - tăng áp	11N4-30030	Cái	1	
236	Ống cao su định hình	1BQ4-44110	Cái	1	
237	Ống cao su định hình	1BQ4-44100	Cái	1	
238	Ống cao su thẳng	11Q6-40470	Cái	1	
239	Nắp két nước	11N4-49480	Cái	1	
240	Máy khởi động	3864298	Cái	1	
241	Đèn pha ca bin	21QB-60700	Cái	6	
242	Còi điện	21N5-10061	Bộ	1	
243	Bơm nước	21EG-10130	Cái	1	
244	Công tắc mát điện	21QA-70010	Cái	1	
245	Còi lùi	21N4-46800	Cái	1	
246	Mô tơ gạt mưa	21N6-01281	Cái	1	
247	Ổ khóa đề + chìa	21Q4-00060	Cái	1	
248	Cảm biến áp suất dầu	31N4-20100	Cái	1	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	thủy lực				
249	Cảm biến 100bar	31Q4-40820	Cái	1	
250	Cảm biến 500bar	31Q4-40800	Cái	3	
251	Cảm biến 50Bar	31Q4-40830	Cái	1	
252	Cụm van chia dầu	31Q6-20042	Cái	1	
253	Bơm thủy lực	31Q4-10010	Cái	1	
254	Giảm tốc quay toa	31Q4-11142	Bộ	1	
255	Mô tơ quay toa	31Q4-11130	Bộ	1	
256	Bạc xy lanh	61M9-90740	Cái	6	
257	Bạc dẫn hướng	S732-070030	Cái	1	
258	Bạc	61M9-90750	Cái	2	
259	Bạc	61Q6-05540	Cái	2	
260	Bạc dẫn hướng	S732-080030	Cái	1	
261	Galie tỳ (con lăn dưới)	81E6-2002GG	Cái	1	
262	Galie đỡ (con lăn trên)	81E6-20031GG	Cái	2	
263	Bạc	81N4-13120	Cái	4	
264	Trục	81N4-13110	Cái	2	
265	Ê cu	81E6-2015	Cái	2	
266	Ốc lá xích	81E6-26060	Cái	8	
267	Đai ốc	E181-2505	Cái	8	
268	Trục	81N5-14110	Cái	1	
269	Ắc xích	E181-2533	Cái	2	
270	Lò xo	81E6-2012	Cái	1	
271	Tầng mỏng di chuyển	XKAY-01765	Cái	1	
272	Chốt ắc	XKAY-01772	Cái	1	
273	Van điều khiển công suất máy + di chuyển + chống tụt tay gầu	XKBL-00080	Cái	2	
274	Van điện điều khiển	31QA-20041	Cái	1	
275	Khóa cửa cabin	72Q6-02121	Cái	1	
276	Chân cabin trước	71Q6-22730	Cái	2	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
277	Chân cabin sau	71Q6-22820	Cái	2	
278	Khóa cửa	71Q6-42400	Cái	1	
279	Vòng bi mâm quay	81N4-01022GG	Cái	1	
280	Bạc chân cần	61M9-90730	Cái	2	
281	Ắc nối khung cần	61Q4-01010	Cái	1	
282	Ắc nối ty nâng cần với cần	61Q4-01020	Cái	1	
283	Ắc chân cần	61Q4-02400	Cái	2	
284	Ắc nối xy lanh ra vào tay gầu	61Q4-01420	Cái	3	
285	Căn	71E9-10650-DA	Cái	4	
286	Bạc	66N4-04000	Cái	2	
287	Bạc	66N4-05000	Cái	2	
288	Ắc gầu	61Q4-12060	Cái	2	
289	Ắc gầu	61Q4-01090	Cái	2	
290	Ắc gầu	61N4-11101	Cái	1	
291	Gầu múc	64Q4-36000	Cái	1	
292	Giàn cò	3922488	Cái	4	
293	Đũa đẩy	3284377	Cái	8	
294	Đệm đẩy	3931623	Cái	8	
295	Cò mổ	3910811	Cái	4	
296	Cò mổ	3910810	Cái	4	
297	Căn	3900245	Cái	8	
298	Pu ly tăng đai điều hoà (vòng bi đỡ dây curoa)	11N6-90110	Cái	1	
299	Lốc lạnh	11Q6-90040	Cái	1	
300	Giàn nóng	11Q6-90071	Cái	1	
301	Giàn lạnh+ van tiết lưu	11Q6-90560	Cái	1	
302	Cảm biến điều hoà	AH100730	Cái	1	
303	Ống ga	11Q4-90430	Cái	1	
304	Ống ga	11EK-92070	Cái	1	

Stt	Tên chi tiết	Số chế tạo	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
305	Ống ga	11EK-92080	Cái	1	
306	**Phần phục hồi**				
307	Phục hồi lốc máy (rà mài phẳng)	3938366	Cái	1	
308	Sửa chữa mặt máy (xoáy supap nạp và supap xả)	3966447	Cụm	1	
309	Rà mài sửa chữa trục cơ	3908031	Cái	1	
310	Cân chỉnh bơm cao áp kim phun	4063968, 4025334	Bộ	1	
311	Hàn xử lý, mài sửa các vết nứt, ta rô các lỗ ren bắt ga lê, ca bô, dậu bảo hiểm ga lê trên sườn	81E6-26510, 81Q4-30220	Cụm	2	
312	Hàn, sửa chữa cần, tay cần	61Q4-12013, 61Q4-2006	Cụm	2	
313	Hàn lỗ lắp bạc giằng chữ I, doa lại đạt kích thước nguyên thủy (giằng chữ I)	61Q4-40021	Cụm	1	
314	Hàn lỗ lắp bạc ty	31Y1-31230	Cái	2	
315	Hàn lỗ lắp bạc	ty 31Y1-31041	Cái	1	
316	Hàn đắp các lỗ lắp bạc bị mòn loét, sửa chữa các lỗ gối lắp xi lanh, gối đầu cần, đuôi cần chính…. gia công về kích thước nguyên thủy		Cái	2	
317	Sửa chữa Piston tăng xích	Piston tăng xích 81N4-14210	Cụm	2	
318	Gia công sửa chữa, bảo dưỡng cụm quay thuỷ lực (bơm thủy lực)	31Q4-10010	Cụm	1	
319	Hàn gia cố ca bin		Cụm	1	
320	Nắn sửa các ca bô bị rỉ, hỏng		Cụm	1	
321	Bọc lại ghế	71Q6-24800	Cái	1	

PHỤ LỤC 2

MẪU BIỂU BÁO GIÁ SỬA CHỮA SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ MÁY XÚC BÁNH XÍCH HYUNDAI R140LC-9S SỐ 02 PHÂN XƯỞNG MỎ TUYỂN CÔNG TY NHÔM ĐĂK NÔNG- TKV

STT	**Tên vật tư**	**Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm/nội dung**	**Nhà sản xuất**	**Xuất xứ**	**Thời gian bảo hành**	**Thời gian, tiến độ cung cấp**	**Đơn vị tính**	**Giấy tờ kèm theo**	**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**	**Ghi chú**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
1												
2												
3												
					Tổng cộng trước thuế:							
					Thuế GTGT:							
					Tổng cộng sau thuế:							
					Bằng chữ:.....							

***Yêu cầu khác**:* Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày